

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ I NĂM 2017**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ
HÓA CHẤT ĐỨC GIANG**



MỤC LỤC

| | Trang |
|---|----------------|
| 1 . Mục lục | 1 |
| 2 . Báo cáo của Ban Giám đốc | 2 - 4 |
| 3 . Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 | 5 - 8 |
| 4 . Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý I năm 2017 | 9 |
| 5 . Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý I năm 2017 | 10 - 11 |
| 6 . Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý I năm 2017 | 12 - 38 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm Báo cáo tài chính quý I của Công ty mẹ và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003850 ngày 05 tháng 03 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 10 lần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi do thay đổi vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh, người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

| Cổ đông | Vốn góp (VND) | Tỷ lệ (%) |
|--------------------------------|------------------------|----------------|
| Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam | 99.576.600.000 | 19,91% |
| Cổ đông khác | 400.503.420.000 | 80,09% |
| Cộng | 500.080.020.000 | 100,00% |

Vốn pháp định

6.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội.
Điện thoại : 043 827 1620
Fax : 043 827 1068
E-mail : ducgiangchemco@hn.vnn.vn
Mã số thuế : 0101452588

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Vận tải bằng đường bộ;
- Bán buôn thực phẩm, chi tiết: bán buôn phụ gia thực phẩm;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc di thuê, chi tiết: cho thuê nhà xưởng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, chi tiết: buôn bán các mặt hàng nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chưng cất từ chúng; các chất chứa bi tum; các loại sáp khoáng chất;
- Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế; chi tiết: sản xuất các mặt hàng nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chưng cất từ chúng; các chất chứa bi tum; các loại sáp khoáng chất;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: buôn bán máy móc, thiết bị điện và các linh kiện của chúng, vật liệu điện, dụng cụ cơ khí;
- Sản xuất thiết bị điện khác, chi tiết: sản xuất máy móc, thiết bị điện và các linh kiện của chúng, vật liệu điện;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu, chi tiết: sản xuất máy móc, dụng cụ cơ khí;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh, chi tiết: sản xuất các mặt hàng cao su, sơn, chất dẻo;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ, chi tiết: sản xuất các mặt hàng phân bón;
- Sản xuất sắt, thép, gang, chi tiết: sản xuất các mặt hàng sắt, thép;
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý, chi tiết: sản xuất các mặt hàng kim loại màu;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: buôn bán các mặt hàng cao su, sơn, chất dẻo, phân bón; buôn bán nguyên liệu và các mặt hàng hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Bán buôn kim loại màu và quặng kim loại, chi tiết: buôn bán sắt, thép, kim loại màu;
- Sản xuất hóa chất cơ bản, chi tiết: sản xuất nguyên liệu và các mặt hàng hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: khai thác, thăm dò và chế biến khoáng sản; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> | <u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm</u> |
|----------------------|----------------|--|
| Ông Đào Hữu Huyền | Chủ tịch | Tái bổ nhiệm 4 tháng 4 năm 2015 |
| Ông Đào Hữu Duy Anh | Thành viên | Bổ nhiệm 4 tháng 4 năm 2015 |
| Ông Nguyễn Văn Quang | Thành viên | Bổ nhiệm 4 tháng 4 năm 2015 |
| Ông Vũ Quốc Tuấn | Thành viên | Bổ nhiệm 4 tháng 4 năm 2015 |
| Ông Vũ Nhất Tâm | Thành viên | Tái bổ nhiệm 4 tháng 4 năm 2015 |

Ban kiểm soát

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> | <u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm</u> |
|-----------------------|----------------|--|
| Ông Nguyễn Văn Kiên | Trưởng ban | Bổ nhiệm 4 tháng 4 năm 2015 |
| Ông Vũ Minh Thuyết | Thành viên | Tái bổ nhiệm 4 tháng 4 năm 2015 |
| Ông Nguyễn Tiến Khang | Thành viên | Tái bổ nhiệm 4 tháng 4 năm 2015 |

Ban Giám đốc

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> | <u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm</u> |
|---------------------|-------------------|--|
| Ông Đào Hữu Huyền | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm 29 tháng 3 năm 2010 |
| Ông Đào Hữu Duy Anh | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm 23 tháng 3 năm 2013 |
| Ông Phạm Văn Hùng | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm 2 tháng 2 năm 2015 |

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty mẹ chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất quý I phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất quý I, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý I và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý I của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất quý I này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;

Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu

- so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;

Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt

- động liên tục;

Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài

- chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty mẹ phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất quý I đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất quý I đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của quý I kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất quý I.

Thay mặt Ban Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Đào Hữu Huyền

Lập ngày 20 tháng 4 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ I

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 757.855.922.274 | 839.492.384.337 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 189.616.222.608 | 186.282.852.184 |
| 1. Tiền | 111 | | 9.950.499.595 | 7.764.862.310 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 179.665.723.013 | 178.517.989.874 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 450.269.244.603 | 469.558.825.481 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 301.961.519.592 | 208.030.364.180 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 27.107.868.610 | 26.994.632.657 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | V.5 | 118.736.629.545 | 232.304.697.964 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.6 | 2.463.226.856 | 2.229.130.680 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.7 | - | - |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 109.731.375.039 | 172.900.730.338 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.8 | 109.731.375.039 | 172.900.730.338 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 8.239.080.024 | 10.749.976.334 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.9a | 2.216.678.401 | 1.455.686.402 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 5.802.888.579 | 8.903.533.956 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | 219.513.044 | 390.755.976 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất quý I (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 1.166.979.312.238 | 1.165.220.133.955 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 637.966.053.930 | 651.079.699.850 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.10 | 587.724.545.624 | 600.515.399.587 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 981.923.353.043 | 984.597.802.309 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (394.198.807.419) | (384.082.402.722) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.11 | 50.241.508.306 | 50.564.300.263 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 57.262.653.187 | 57.262.653.187 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (7.021.144.881) | (6.698.352.924) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 231 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 38.883.480.020 | 35.702.920.600 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.12 | 38.883.480.020 | 35.702.920.600 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | V.2 | 443.570.949.752 | 429.167.841.958 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 443.570.949.752 | 429.167.841.958 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 46.558.828.536 | 49.269.671.547 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.9b | 46.209.444.588 | 48.920.287.599 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | 349.383.948 | 349.383.948 |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| 5. Lợi thế thương mại | 269 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 1.924.835.234.512 | 2.004.712.518.292 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất quý I (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 516.966.323.768 | 640.751.723.006 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 516.966.323.768 | 640.751.723.006 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.13 | 154.401.965.417 | 99.386.772.206 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.14 | 13.545.276.227 | 17.857.595.099 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.15 | 7.710.201.116 | 24.104.786.074 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 13.431.569.255 | 23.337.204.552 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.16 | - | 7.980.094.208 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.17 | 5.367.954.559 | 4.187.421.804 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.18 | 247.313.057.466 | 386.431.476.101 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.19 | 75.196.299.728 | 77.466.372.962 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | - | - |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất quý I (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 1.407.868.910.744 | 1.363.960.795.286 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.20 | 1.407.868.910.744 | 1.363.960.795.286 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 500.088.750.000 | 500.088.750.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 500.088.750.000 | 500.088.750.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 1.072.000.000 | 1.072.000.000 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | (8.730.000) | (8.730.000) |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 215.779.365.014 | 215.779.365.014 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 329.974.528.337 | 296.137.898.375 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 296.137.898.375 | 54.346.763.773 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 33.836.629.962 | 241.791.134.602 |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | 360.962.997.393 | 350.891.511.897 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 1.924.835.234.512 | 2.004.712.518.292 |

Lập ngày 20 tháng 4 năm 2017

Người lập biểu

Hoàng Thúy Hà

Kế toán trưởng

Đào Thị Mai

Tổng Giám đốc



Đào Hữu Huyền

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ I

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

| STT | Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-----|---|-------|-------------|-----------------------------------|-----------------|
| | | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 822.332.456.736 | 598.495.165.914 |
| 2. | Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.2 | 67.703.992 | - |
| 3. | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 822.264.752.744 | 598.495.165.914 |
| 4. | Giá vốn hàng bán | 11 | VI.3 | 747.870.667.841 | 488.578.758.215 |
| 5. | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 74.394.084.903 | 109.916.407.699 |
| 6. | Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.4 | 7.315.419.810 | 7.780.027.840 |
| 7. | Chi phí tài chính | 22 | VI.5 | 2.573.810.558 | 2.485.936.948 |
| | <i>Trong đó: chi phí lãi vay</i> | 23 | | 1.299.831.005 | 1.241.156.049 |
| 8. | Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | V.2 | 14.403.107.794 | 10.758.401.316 |
| 9. | Chi phí bán hàng | 25 | VI.6 | 38.988.807.819 | 27.261.899.430 |
| 10. | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.7 | 7.177.942.270 | 8.972.946.506 |
| 11. | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 47.372.051.860 | 89.734.053.971 |
| 12. | Thu nhập khác | 31 | | 2.810.901.713 | - |
| 13. | Chi phí khác | 32 | | 2.675.746.080 | - |
| 14. | Lợi nhuận khác | 40 | | 135.155.633 | - |
| 15. | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 47.507.207.493 | 89.734.053.971 |
| 16. | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.14 | 1.970.483.478 | 5.118.227.185 |
| 17. | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | 44.718.984 | 42.428.627 |
| 19. | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 45.492.005.032 | 84.573.398.159 |
| 20. | Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | | 35.018.048.679 | 59.422.551.457 |
| 21. | Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | 10.473.956.353 | 25.150.846.702 |
| 22. | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.9 | 658 | 1.309 |
| 23. | Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.9 | 658 | 1.105 |

Lập ngày 20 tháng 4 năm 2017

Người lập biểu

Hoàng Thúy Hà

Kế toán trưởng

Đào Thị Mai

Tổng Giám đốc



Đào Hữu Huyền

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT QUÝ I

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|----------------|-----------------------------------|-------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 47.507.207.493 | 175.596.537.167 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | | 17.749.000.477 | 34.702.373.059 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | - | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | 2.467.716.588 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (18.667.354.315) | (46.803.446.747) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.4 | 1.299.831.005 | 4.718.942.247 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 47.888.684.660 | 170.682.122.314 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 17.099.571.416 | 181.448.189.568 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 63.169.355.299 | (38.613.735.109) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 33.701.103.753 | 6.928.603.594 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 1.949.851.012 | (948.734.867) |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (1.463.579.951) | (2.791.416.207) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.15 | (19.961.256.689) | (27.728.667.686) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | V.19 | (5.423.797.872) | 642.681.000 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | V.19 | 2.711.898.936 | (4.760.394.528) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 139.671.830.565 | 284.858.648.079 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (10.698.174.680) | (66.743.716.019) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 2.354.545.455 | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (6.825.000.000) | (7.320.026.939) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 14.680.139.667 | 5.516.763.820 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | 0 | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 1.614.407.874 | 7.426.436.858 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 1.125.918.316 | (61.120.542.280) |

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý I (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | | Năm trước | |
|--|-----------|-------------|--------------------------|--------------------------|-----------|--|
| | | | | | | |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - | - | |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | (1.780.000) | | |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.18 | 236.470.033.453 | 440.835.637.179 | | |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.18 | (373.934.411.910) | (637.123.892.708) | | |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - | - | |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | (16.709.481.000) | | |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | <i>40</i> | | <i>(137.464.378.457)</i> | <i>(212.999.516.529)</i> | | |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | 3.333.370.424 | 10.738.589.270 | | |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 186.282.852.184 | 8.391.782.115 | | |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | (1.790.295) | | |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 189.616.222.608 | 19.128.581.090 | | |
| | | | (0) | | | |

Người lập biểu

Hoàng Thúy Hà

Kế toán trưởng

Đào Thị Mai

Lập ngày 20 tháng 4 năm 2017



Đào Hữu Huyền

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất
- Ngành nghề kinh doanh chính** : Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty mẹ không quá 12 tháng.
- Cấu trúc Tập đoàn**
Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 2 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Danh sách các công ty con được hợp nhất

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ lợi ích | | Tỷ lệ quyền biểu quyết | |
|---|---|---|---------------|------------|------------------------|------------|
| | | | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Công ty CP Hóa chất Đức Giang Lào Cai | Cụm Công nghiệp Tăng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai | Sản xuất, buôn bán nguyên vật liệu và các mặt hàng hóa chất | 61,68% | 61,68% | 61,68% | 61,68% |
| Công ty CP Hóa chất Đức Giang Đình Vũ (*) | Lô CN5.3K, khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Thành phố Hải Phòng. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa | 48,50% | 48,5% | 60,0% | 60,0% |

(*) Mặc dù tỷ lệ vốn góp của Công ty trong Công ty Cổ phần Đức Giang Đình Vũ ít hơn 50% nhưng theo tỷ lệ biểu quyết của Công ty là 60% do có phần biểu quyết gián tiếp 30% từ Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang Lào Cai. Do vậy Công ty Cổ phần Đức Giang – Đình Vũ bị Công ty kiểm soát và khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đức Giang - Đình Vũ được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty con” trên Báo cáo tài chính quý II.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty liên kết

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ lợi ích | | Tỷ lệ quyền biểu quyết | |
|---|---|--|---------------|------------|------------------------|------------|
| | | | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Công ty Cổ phần Hóa chất Phân bón Lào Cai | Cụm Công nghiệp Tầng Loông, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai | Sản xuất hóa chất cơ bản, phân bón và hợp chất của ni-tơ | 31,50% | 37,97% | 43,61% | 46,62% |
| Công ty Cổ phần Hóa chất Bảo Thắng | Cụm Công nghiệp Tầng Loông, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai | Sản xuất hóa chất cơ bản, phân bón và hợp chất của ni-tơ | 17,60% | 0,00% | 24,05% | 0,00% |

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, các Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất quý I.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất quý I.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Báo cáo tài chính hợp nhất quý I bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp quý I của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính quý I của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý I từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính quý I của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất quý I.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý I và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất quý I (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:
 - Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại
 - Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương Sở giao dịch Hà Nội (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
 - Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương Sở giao dịch (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất quý I theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất quý I là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất quý I của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất quý I.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất quý I.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 2 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 6 - 25 |
| Máy móc và thiết bị | 2 - 10 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 5 - 8 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 - 6 |
| Tài sản cố định khác | 3 |

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất (đến năm 2061).

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm/kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

- Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẤT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ**1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Tiền mặt | 2.557.987.612 | 924.956.963 |
| Tiền gửi ngân hàng | 7.392.511.983 | 6.839.905.347 |
| Các khoản tương đương tiền | 179.665.723.013 | 178.517.989.874 |
| Cộng | <u>189.616.222.608</u> | <u>186.282.852.184</u> |

2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn chỉ có đầu tư vào công ty liên kết. Thông tin về khoản đầu tư tài

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| <i>Công ty Cổ phần Hóa chất Phân bón Lào Cai (*)</i> | <i>316.762.342.171</i> | <i>310.003.100.295</i> |
| Giá gốc | 310.003.100.295 | 230.416.562.551 |
| Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư | 6.759.241.876 | 79.586.537.744 |
| <i>Công ty Cổ phần Hóa chất Bảo Thắng (**)</i> | <i>126.808.607.580</i> | <i>119.164.741.662</i> |
| Giá gốc | 119.164.741.662 | 111.000.000.000 |
| Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư | 7.643.865.918 | 8.164.741.662 |
| Cộng | <u>443.570.949.752</u> | <u>429.167.841.958</u> |

(*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 5300582654 đăng ký thay đổi lần 4 ngày 17 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Hóa Chất Phân bón Lào Cai 174.426.520.000 VND, tương đương 43,61 % vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn đã đầu tư 174.426.520.000 VND, tương đương 43,61 % vốn điều lệ.

(**) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 5300636691 đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 7 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Hóa Chất Bảo Thắng 49.000.000.000 VND, tương đương 24,50 % vốn điều lệ.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại công ty liên kết như sau:

| | <u>Giá trị phần sở</u> | <u>Góp vốn trong kỳ</u> | <u>Phản lãi hoặc lỗ</u> | <u>Cổ tức, lợi nhuận</u> | <u>Cộng</u> |
|--------------------------------------|-------------------------------|-------------------------|------------------------------|--------------------------|-------------------------------|
| Công ty CP Hóa chất Phân bón Lào Cai | 310.003.100.295 | | 6.759.241.876 | | 316.762.342.171 |
| Công ty CP hóa chất Bảo Thắng | 119.164.741.662 | | 7.643.865.918 | | 126.808.607.580 |
| Số cuối kỳ | <u>429.167.841.958</u> | | <u>14.403.107.794</u> | | <u>443.570.949.752</u> |

Giao dịch với công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với Công ty Cổ phần Hóa chất Phân bón Lào Cai(Gọi tắt là LFC)

| | <u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | |
|--|--|------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Công ty Cổ phần Hóa chất Phân bón Lào Cai (LFC) | | |
| Mua hàng từ LFC | 120.804.472.203 | 99.877.632.896 |
| Thuế GTGT đầu vào | 12.075.579.709 | 9.973.167.886 |
| Phải thu tiền bảo hiểm nộp hộ | 14.595.458 | 25.015.900 |
| Bán hàng và cung cấp dịch vụ vận chuyển | 11.921.264.560 | 52.394.885.693 |
| Thuế GTGT hàng bán | 1.192.126.455 | 4.947.488.570 |
| LFC trả tiền cổ tức | | 5.500.000.000 |
| Trả LFC cổ tức | | |
| LFC vay | 950.000.000 | 57.924.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | | |
|---|-----------------|----------------|
| LFC trả tiền vay | 3.300.139.667 | 94.140.000.000 |
| Lãi tiền vay phải thu LFC | 1.315.370.804 | 4.036.326.985 |
| LFC trả tiền hàng | 97.043.681.983 | 32.120.000.000 |
| Công ty Cổ phần Hóa chất Bảo Thắng (BTC) | | |
| Cho BTC vay | 5.875.000.000 | 49.900.000.000 |
| Lãi vay phải trả | 1.122.590.076 | 185.548.671 |
| BTC trả tiền vay | 11.380.000.000 | |
| Bán hàng và cung cấp dịch vụ vận chuyển | 91.544.836.193 | |
| Thuế GTGT hàng bán | 9.140.750.225 | |
| Mua hàng từ BTC | 207.426.105.472 | |
| Thuế GTGT đầu vào | 20.742.610.546 | |
| Trả BTC tiền hàng | 68.928.000.000 | |

3 Phải thu ngắn hạn khách hàng

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------|------------------------|
| Phải thu các bên liên quan | 76.957.247.625 | 39.988.413.834 |
| Công ty Cổ phần Hóa chất Phân Bón Lào Cai | 25.316.487.593 | 39.988.413.834 |
| Công ty CP Hóa chất Bảo Thắng | 51.640.760.032 | |
| Phải thu các khách hàng khác | 225.004.271.967 | 168.041.950.346 |
| Công ty TNHH FrieslandCampina Hà Nam | 1.602.573.500 | 1.586.634.500 |
| Công ty CP Hóa mỹ phẩm Quốc Tế | | 3.862.899.526 |
| Excel Industries Limited | | 30.786.508.800 |
| Lanxess Deutschland GMBH | 13.691.800.584 | 19.395.355.136 |
| Mitsubishi Corporation | 43.927.572.480 | 31.770.557.440 |
| Các đối tượng khác | 165.782.325.403 | 80.639.994.944 |
| Cộng | 301.961.519.592 | 208.030.364.180 |

4 Trả trước cho người bán

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Trả trước cho bên liên quan | | |
| Trả trước cho người bán khác | 27.107.868.610 | 26.994.632.657 |
| Ban quản lý dự án GPMB & TĐC Tầng Loong | 3.340.396.295 | 3.340.396.295 |
| NanNing Dejiang Trading Co., Ltd | 8.353.034.004 | 8.353.034.004 |
| Công ty cổ phần phát triển hạ tầng dệt may Phố Nội | 2.860.000.000 | 2.860.000.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 12.554.438.311 | 12.441.202.358 |
| Cộng | 27.107.868.610 | 26.994.632.657 |

5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------|------------------------|
| Phải thu về cho vay các bên liên quan | 118.736.629.545 | 232.304.697.964 |
| Công ty Cổ phần Hóa chất Phân bón Lào Cai(i) | 106.459.954.781 | 107.494.723.644 |
| Công ty Cổ phần Hóa chất Bảo Thắng(ii) | 12.276.674.764 | 124.809.974.320 |
| Phải khác về cho vay các đối tượng khác | | |
| Cộng | 118.736.629.545 | 232.304.697.964 |

(i) Khoản cho Công ty Cổ phần Hóa chất Phân bón Lào Cai (là bên liên quan) vay với lãi suất 5% năm, thời hạn vay không xác định

(ii) Khoản cho Công ty Cổ phần Hóa chất Bảo Thắng (là bên liên quan) vay với lãi suất 5% năm, thời hạn vay không xác định

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6 Phải thu ngắn hạn khác

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | 397.891.776 | | 272.383.080 | |
| Công ty Cổ phần Hóa chất Phân bón Lào | 105.803.069 | | 9.440.438 | |
| Công ty CP Hóa chất Bảo Thắng | 292.088.707 | | 262.942.642 | |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | 2.065.335.080 | | 1.956.747.600 | |
| Tạm ứng | 1.203.072.618 | | 644.271.356 | |
| Ký cược, ký quỹ | 31.750.000 | | 31.750.000 | |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 830.512.462 | | 1.280.726.244 | |
| Cộng | 2.463.226.856 | | 2.229.130.680 | |

7 Hàng tồn kho

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|-----------------------------|------------------------|----------|------------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 60.116.365.856 | | 101.219.865.256 | |
| Công cụ, dụng cụ | 27.797.118 | | 25.460.396 | |
| Chi phí sản xuất KD dở dang | 1.812.879.820 | | 6.477.032.710 | |
| Thành phẩm | 47.774.332.245 | | 65.178.371.976 | |
| Cộng | 109.731.375.039 | | 172.900.730.338 | |

8 Chi phí trả trước**8a Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-----------------------------------|----------------------|----------------------|
| Công cụ dụng cụ | | |
| Phí sử dụng đường bộ, bảo hiểm xe | 1.221.723.231 | 1.157.915.564 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 994.955.170 | 297.770.838 |
| Cộng | 2.216.678.401 | 1.455.686.402 |

8b Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền thuê đất | 29.690.488.617 | 29.937.909.354 |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | 16.518.955.971 | 18.982.378.245 |
| Cộng | 46.209.444.588 | 48.920.287.599 |

9 Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật | Máy móc và thiết | Phương tiện vận | Thiết bị, dụng cụ | Cộng |
|---------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|----------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 530.574.425.180 | 383.254.732.883 | 69.608.931.304 | 1.159.712.942 | 984.597.802.309 |
| Tăng trong do mua mới | | 5.859.455.259 | 1.658.160.001 | | 7.517.615.260 |
| Giảm trong kỳ do thanh lý | | (9.227.846.617) | (964.217.909) | | (10.192.064.526) |
| Số cuối kỳ | 530.574.425.180 | 379.886.341.525 | 71.267.091.305 | 1.159.712.942 | 981.923.353.043 |

Trong đó:

| | | | | | |
|-------------|-----------------|----------------|---------------|------------|-----------------|
| còn sử dụng | 525.535.006.121 | 36.659.225.812 | 1.101.083.619 | 62.048.542 | 563.357.364.094 |
|-------------|-----------------|----------------|---------------|------------|-----------------|

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Giá trị hao mòn**

| | | | | | |
|---------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|--------------------|------------------------|
| Số đầu năm | 107.084.080.119 | 244.913.547.964 | 31.196.730.164 | 888.044.475 | 384.082.402.722 |
| Tăng do khấu hao trong kỳ | 7.478.474.670 | 8.092.878.091 | 2.555.757.055 | 38.691.719 | 18.165.801.535 |
| Giảm trong kỳ do thanh lý | | (7.140.595.596) | (908.801.242) | | (8.049.396.838) |
| Số cuối kỳ | 114.562.554.789 | 245.865.830.459 | 32.843.685.977 | 926.736.194 | 394.198.807.419 |

Giá trị còn lại

| | | | | | |
|-------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|--------------------|------------------------|
| Số đầu năm | 423.490.345.061 | 138.341.184.919 | 38.412.201.140 | 271.668.467 | 600.515.399.587 |
| Số cuối kỳ | 416.011.870.391 | 134.020.511.066 | 38.423.405.328 | 232.976.748 | 587.724.545.624 |

10 Tài sản cố định vô hình

| | <u>Quyền sử dụng đất</u> | <u>Chương trình phần mềm</u> | <u>Cộng</u> |
|-------------------|--------------------------|------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 56.473.987.187 | 788.666.000 | 57.262.653.187 |
| Tăng trong kỳ | | | |
| Số cuối kỳ | 56.473.987.187 | 788.666.000 | 57.262.653.187 |

Giá trị hao mòn

| | | | |
|-----------------------|----------------------|--------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 6.481.525.413 | 216.827.511 | 6.698.352.924 |
| Tăng trong do mua mới | 283.517.007 | 39.274.950 | 322.791.957 |
| Số cuối kỳ | 6.765.042.420 | 256.102.461 | 7.021.144.881 |

Giá trị còn lại

| | | | |
|-------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 49.992.461.774 | 571.838.489 | 50.564.300.263 |
| Số cuối kỳ | 49.708.944.767 | 532.563.539 | 50.241.508.306 |

11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Chi phí phát</u> | <u>KC vào TSCD</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|--|-----------------------|----------------------|--------------------|-----------------------|
| Dự án mở quặng apatit | 8.682.866.480 | 531.490.909 | | 9.214.357.389 |
| Dự án Hóa chất Đức Giang Lào Cai | 25.984.551.693 | 2.649.068.511 | | 28.633.620.204 |
| Công trình khác | 1.035.502.427 | | | 1.035.502.427 |
| Dự án hệ thống đường ống Đức Giang Đình Vũ | | | | |
| Cộng | 35.702.920.600 | 3.180.559.420 | | 38.883.480.020 |

12 Phải trả người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------|-----------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 11.559.754.590 | 6.213.362.324 |
| Công ty TNHH Văn Minh | 10.272.021.880 | 6.213.362.324 |
| Phải trả nhà cung cấp khác | 142.842.210.827 | 93.173.409.882 |
| Hekou Yuyang Trade Company | 4.877.154.345 | 14.397.441.345 |
| Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam | 35.208.622.655 | 15.436.415.941 |
| Công ty TNHH Thương mại Đức Giang Nam Ninh | 3.301.277.398 | 4.068.935.821 |
| TREASURE POWER TRADING (HONGKONG) LIMITED | 22.647.167.361 | |
| Công ty Điện Lực Lào Cai | 11.581.054.388 | 7.722.826.387 |
| OCI (HONGKONG) LIMITED | 4.810.622.296 | |
| Các nhà cung cấp khác | 60.416.312.384 | 51.547.790.388 |
| Cộng | 154.401.965.417 | 99.386.772.206 |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY I

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| <i>Trả trước của các bên có liên quan</i> | | |
| <i>Trả trước của các khách hàng khác</i> | <i>13.545.276.227</i> | <i>17.857.595.099</i> |
| Công ty CP Phân bón miền nam | | |
| Các khách hàng khác | 13.545.276.227 | 17.857.595.099 |
| Cộng | <u>13.545.276.227</u> | <u>17.857.595.099</u> |

14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | | <u>Số phát sinh trong kỳ</u> | | | <u>Số cuối kỳ</u> | |
|-----------------------------|------------------------------|---------------------------|------------------------------|------------------------------|---------------------------|-----------------------------|---------------------------|
| | <u>Phải nộp</u> | <u>Phải thu</u> | <u>Số phải nộp</u> | <u>Số đã nộp</u> | <u>1 năm được hoãn</u> | <u>Phải nộp</u> | <u>Phải thu</u> |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | | | 11.470.959.100 | 11.470.959.100 | | | |
| Thuế GTGT hàng bán | 171.605.545 | | 256.376.574 | 279.307.347 | | 148.674.772 | |
| Thuế xuất, nhập khẩu | | 390.755.976 | 23.763.900.801 | 23.763.900.801 | 171.242.932 | | 219.513.044 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 22.450.386.456 | | 1.970.483.478 | 19.961.256.689 | | 4.459.613.245 | |
| Thuế thu nhập cá nhân | 1.482.794.073 | | 769.770.227 | 2.971.029 | (319.828) | 2.249.913.099 | |
| Các loại thuế khác | | | 7.000.000 | 7.000.000 | | | |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | | | 852.000.000 | | | 852.000.000 | |
| Cộng | <u>24.104.786.074</u> | <u>390.755.976</u> | <u>39.090.490.180</u> | <u>55.485.394.966</u> | <u>170.923.104</u> | <u>7.710.201.116</u> | <u>219.513.044</u> |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | <u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | |
|--|--|-----------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 47.507.207.493 | 89.734.053.971 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán | (6.433.847.937) | (10.595.829.141) |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 325.393.939 | 162.000.000 |
| Giảm do hợp nhất kinh doanh | | |
| Chi phí không được trừ | 325.393.939 | 162.000.000 |
| Lỗ của công ty con | | |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (6.759.241.876) | (10.757.829.141) |
| Lãi chênh lệch tỷ giá của tiền và các khoản phải thu | | |
| Lợi nhuận công ty liên kết | (6.759.241.876) | (10.757.829.141) |
| Chuyển lỗ công ty con | | |
| Thu nhập chịu thuế | <u>41.073.359.556</u> | <u>79.138.224.830</u> |
| Thu nhập được miễn thuế | | |
| Lỗ các năm trước được chuyển | | |
| Thu nhập tính thuế | <u>41.073.359.556</u> | <u>79.138.224.830</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | | |
|--|------------------------|------------------------|
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| <i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i> | <i>6.543.177.766</i> | <i>9.387.729.420</i> |
| <i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i> | <i>(2.593.244.102)</i> | |
| <i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i> | <i>(1.979.450.186)</i> | <i>(4.269.502.235)</i> |
| <i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i> | <i>1.970.483.478</i> | <i>5.118.227.185</i> |
| <i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i> | | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp | 1.970.483.478 | 5.118.227.185 |

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 54.312m² và 1.739,8m² đất đang sử dụng với mức thuê lần lượt là 3.124.177.699VND/năm và 30.624.029VND/năm theo quy định tại thông báo của cơ quan thuế

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

15 Chi phí phải trả ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--------------------------|------------|----------------------|
| Tiền điện | | 7.470.437.670 |
| Chi phí trích trước khác | | 345.907.592 |
| Chi phí lãi vay phải trả | | 163.748.946 |
| Cộng | | 7.980.094.208 |

16 Phải trả ngắn hạn khác

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|----------------------|----------------------|
| <i>Phải trả các bên có liên quan</i> | | |
| Công ty CP Hóa chất Phân Bón Lào Cai | | |
| <i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i> | <i>5.367.954.559</i> | <i>4.187.421.804</i> |
| Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN | 1.317.181.947 | 3.873.293 |
| Kinh phí công đoàn | 777.993.842 | 1.038.575.767 |
| Tiền nhận đặt cọc xe | 2.141.274.439 | 2.070.274.439 |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 903.715.445 | 903.715.445 |
| Phải trả về cổ phần hóa | 63.754.562 | 63.754.562 |
| Phải trả phải nộp khác | 164.034.324 | 107.228.298 |
| Cộng | 5.367.954.559 | 4.187.421.804 |

17 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả | Giá trị | Số có khả năng |
| <i>Vay và nợ ngắn hạn phải trả</i> | <i>247.313.057.466</i> | <i>247.313.057.466</i> | <i>386.431.476.101</i> | <i>386.431.476.101</i> |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 241.344.526.615 | 241.344.526.615 | 386.431.476.101 | 386.431.476.101 |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Sở giao dịch HN (i) | 86.321.388.379 | 86.321.388.379 | 198.630.187.899 | 198.630.187.899 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | | | | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| - Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội (ii) | 33.000.000.000 | 33.000.000.000 | 46.924.737.747 | 46.924.737.747 |
| - Ngân hàng TMCP Quân đội - MBBank (iii) | 6.746.611.200 | 6.746.611.200 | 49.644.821.437 | 49.644.821.437 |
| - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Lào Cai (iv) | 91.553.494.326 | 91.553.494.326 | 91.231.729.018 | 91.231.729.018 |
| - Ngân hàng TMCP Maritime Bank | 23.723.032.710 | 23.723.032.710 | | |
| Vay ngắn hạn tổ chức khác | 5.968.530.851 | 5.968.530.851 | | |
| | 247.313.057.466 | 247.313.057.466 | 386.431.476.101 | 386.431.476.101 |

(ii) Khoản vay ngắn hạn ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam theo Thư đề nghị cung cấp hạn tiện ích ngày 2/7/2013 ANZ gửi Công ty CP Bột giặt và Hóa chất Đức Giang và Công ty CP Hóa chất Đức Giang Lào Cai. Hạn mức tiện ích áp dụng cho Công ty CP Hóa chất Đức Giang Lào Cai là 5.000.000 USD, Mục đích nhằm hỗ trợ cho nhu cầu mua quặng apatitite, than cốc, silica, thùng đựng photpho vàng và thanh toán tiền điện, hỗ trợ cho nhu cầu nhập khẩu và mua trong nước nguyên vật liệu. Kỳ hạn từng khoản vay tối đa 3 tháng, lãi suất 1,8%/năm cộng với chi phí vốn vay của ANZ Thế chấp bằng các khoản phải thu của đơn vị với giá trị sổ sách tối thiểu tương đương 5.000.000 USD và hàng Tồn kho trong kho hàng của Công ty và hàng trong kho hàng của Công ty Cổ phần Bột giặt hóa chất Đức Giang tại số 18/44 phố Đức Giang Long Biên, Hà Nội với tổng giá trị sổ sách tối thiểu tương đương 5.000.000 USD

(i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch Hà Nội theo hợp đồng cấp tín dụng số 140044/HĐCTD.SGD.NHNT ngày 20/02/2014, hạn mức tối đa 150.000.000.000 VND theo phụ lục số 01 ngày 14/3/2014. Mục đích vay vốn là bổ sung vốn lưu động và tài trợ thương mại cho Công ty. Lãi suất được thay đổi theo thời điểm nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc nhà máy hóa chất Đức Giang Lào Cai.

(iii) Khoản vay theo thư đề nghị cung cấp tiện ích chung của Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) gửi Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang và Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang - Lào Cai ngày 24/4/2013. Hạn mức 2.000.000 USD hoặc tương đương bằng VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa trong kho của Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang - Lào Cai với giá trị ít nhất 2.000.000 USD, tất cả các khoản phải thu của Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang Lào Cai với giá trị ít nhất 2.000.000 USD.

(iii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 196.14.737.1504066.TD ngày 11/02/2014. Hạn mức tín dụng 100.000.000.000 VND. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, mở LC và phát hành bảo lãnh thanh toán phục vụ hoạt động SXKD photpho vàng. Lãi suất quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển của Công ty.

(iv) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai theo hợp đồng tín dụng số 01/2015 - HĐTDHM/NHCT180 - DUCGIANG ngày 07 tháng 01 năm 2015. Hạn mức cho vay là 100.000.000.000 VND hoặc USD tương đương, mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 4 tháng, lãi suất áp dụng là 1,8%/năm đối với vay USD, lãi suất vay được điều chỉnh hàng tháng. Khoản vay không được đảm bảo bằng tài sản, tuy nhiên bên ngân hàng sẽ yêu cầu tài sản thế chấp nếu bên vay vi phạm hợp đồng tín dụng hoặc không còn đáp ứng điều kiện được cấp tín dụng không đảm bảo bằng tài sản theo quy định của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(vii)

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Á Châu - ACB theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số HCA.DN.260061014 ngày 28/4/2012 có hạn mức tín dụng là 107.500.000.000 VND hoặc USD tương đương. Trong đó hạn mức vay không vượt quá 43.000.000.000 VND hoặc USD tương đương. Mục đích nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh hóa chất, kỳ hạn tối đa không quá 3 tháng, lãi suất vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ cụ thể. Số tiền vay được đảm bảo bằng Bất động sản tại Số 18 Ngõ 44 Phố Đức Giang P.Thượng Thanh, Q Long Biên Hà Nội thuộc sở hữu Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang và Nhà xưởng và máy móc thiết bị dây chuyền sản xuất phốt pho vàng dây chuyền số 2 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang Lào Cai.

Khoản vay các cá nhân theo các hợp đồng tín dụng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong kỳ | Tăng do CLTG cuối kỳ | Tăng khác do CLTG | Số tiền vay đã trả trong kỳ | Giảm khác do CLTG | Số cuối kỳ |
|-------------------------------|------------------------|--------------------------------|----------------------|-------------------|-----------------------------|----------------------|------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 386.431.476.101 | 198.748.339.866 | | 24.388.858 | 342.181.249.174 | 1.678.429.036 | 241.344.526.615 |
| Vay ngắn hạn các tổ chức khác | | 37.721.693.587 | | | 31.753.162.736 | | 5.968.530.851 |
| Cộng | 386.431.476.101 | 236.470.033.453 | | 24.388.858 | 373.934.411.910 | 1.678.429.036 | 247.313.057.466 |

18 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Số đầu năm | Tăng do trích lập | Chi quỹ trong kỳ | Giảm do khấu hao | Số cuối kỳ |
|-------------------------|-----------------------|----------------------|----------------------|--------------------|-----------------------|
| Quỹ khen thưởng | 8.971.398.656 | 816.418.717 | 1.230.418.717 | | 8.557.398.656 |
| Quỹ phúc lợi | 17.622.819.553 | 365.000.000 | 1.481.480.219 | | 16.506.339.334 |
| Quỹ phúc lợi hình thành | 50.872.154.753 | | | 739.593.015 | 50.132.561.738 |
| Cộng | 77.466.372.962 | 1.181.418.717 | 2.711.898.936 | 739.593.015 | 75.196.299.728 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18, ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20 Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|----------------------------------|---------------------------|----------------------|--------------------|------------------------|-----------------------------------|--------------------------|
| Số đầu năm trước | 422.091.320.000 | 1.072.000.000 | (4.410.000) | 179.961.090.722 | 240.328.082.930 | 843.448.083.652 |
| Tăng vốn từ lợi nhuận | 77.997.430.000 | - | (4.320.000) | - | (77.993.110.000) | - |
| Lợi nhuận trong kỳ trước | - | - | - | 35.818.274.292 | 241.791.134.602 | 241.791.134.602 |
| Trích lập các quỹ trong kỳ trước | - | - | - | - | (57.558.330.509) | (21.740.056.217) |
| Chia cổ tức kỳ trước | - | - | - | - | (51.044.367.551) | (51.044.367.551) |
| Tăng giảm do hợp nhất kinh doanh | - | - | - | - | 614.488.903 | 614.488.903 |
| Số dư cuối kỳ trước | 500.088.750.000 | 1.072.000.000 | (8.730.000) | 215.779.365.014 | 296.137.898.375 | 1.012.454.794.486 |
| Số dư đầu năm nay | 500.088.750.000 | 1.072.000.000 | (8.730.000) | 215.779.365.014 | 296.137.898.375 | 1.013.069.283.389 |
| Trả cổ tức bằng cổ phiếu | - | - | - | - | - | - |
| Trích lập các quỹ | - | - | - | - | (1.181.418.717) | (1.181.418.717) |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | - | - | 35.018.048.679 | 35.018.048.679 |
| Trả cổ tức bằng tiền | - | - | - | - | - | - |
| Giảm khác | - | - | - | - | - | - |
| Số dư cuối năm nay | 500.088.750.000 | 1.072.000.000 | (8.730.000) | 215.779.365.014 | 329.974.528.337 | 1.046.905.913.351 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20b Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| Vốn góp của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam | 99.576.600.000 | 66.703.010.000 |
| Các cổ đông khác | 400.512.150.000 | 268.290.650.000 |
| Cổ phiếu quỹ | (8.730.000) | (2.630.000) |
| Cộng | 500.080.020.000 | 334.991.030.000 |

20c Cổ phiếu

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------------------------------|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 50.008.875 | 50.008.875 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 50.008.875 | 50.008.875 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 50.008.875 | 50.008.875 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | (873) | (873) |
| - Cổ phiếu phổ thông | (873) | (873) |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 50.008.002 | 50.008.002 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 50.008.002 | 50.008.002 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

20 Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|---|------------------------|------------------------|
| Số đầu năm | 350.557.177.240 | 350.557.177.240 |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số | 10.473.956.353 | 77.737.717.435 |
| Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận | | (70.806.997.452) |
| Giảm do trích quỹ, hợp nhất | (68.136.200) | (6.596.385.326) |
| Số cuối kỳ | 360.962.997.393 | 350.891.511.897 |

()

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ**1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a Tổng doanh thu**

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Doanh thu bán thành phẩm | 749.529.756.692 | 560.206.753.982 |
| Doanh thu bán hàng hóa | 55.782.618.855 | 18.312.974.747 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 17.020.081.189 | 19.975.437.185 |
| Cộng | 822.332.456.736 | 598.495.165.914 |

1b Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c.

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Công ty TNHH Văn Minh | | |
| Bán hàng và cung cấp dịch vụ | 49.327.587.242 | 16.130.381.381 |
| Thuế GTGT đầu ra | 4.611.378.054 | 1.595.172.927 |
| Cộng | 53.938.965.296 | 17.725.554.308 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| 2 Giá vốn hàng bán | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|------------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp | 686.697.182.772 | 463.053.847.140 |
| Giá vốn của hàng hóa | 51.364.465.672 | 18.729.336.708 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 9.809.019.397 | 6.795.574.367 |
| Cộng | 747.870.667.841 | 488.578.758.215 |

| 3 Doanh thu hoạt động tài chính | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|------------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 1.614.407.874 | |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 7.130.703 | 13.545.353 |
| Lãi tiền cho vay | 2.437.960.880 | 4.795.652.630 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 3.255.920.353 | 2.970.829.857 |
| Cộng | 7.315.419.810 | 7.780.027.840 |

| 4 Chi phí tài chính | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-----------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí lãi vay | 1.299.831.005 | 1.241.156.049 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 1.273.979.553 | 1.244.780.899 |
| Cộng | 2.573.810.558 | 2.485.936.948 |

| 5 Chi phí bán hàng | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nhân viên | 5.030.162.490 | 3.807.602.161 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 38.945.759 | 308.563.280 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 184.918.507 | 93.362.019 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 32.811.080.370 | 22.627.403.676 |
| Chi phí bằng tiền khác | 923.700.693 | 424.968.294 |
| Cộng | 38.988.807.819 | 27.261.899.430 |

| 6 Chi phí quản lý doanh nghiệp | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nhân viên quản lý | 4.129.634.203 | 3.318.969.056 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 60.255.325 | |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 971.006.295 | 885.827.985 |
| Thuế, phí và lệ phí | 859.000.000 | 403.000.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 363.770.429 | 3.731.165.760 |
| Chi phí bằng tiền khác | 794.276.018 | 633.983.705 |
| Cộng | 7.177.942.270 | 8.972.946.506 |

| 7 Thu nhập khác | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-----------------------|-----------------------------------|-----------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tiền ăn ca, tiền điện | 456.356.258 | |
| Thu nhập khác | 2.354.545.455 | |
| Cộng | 2.810.901.713 | |

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8 Chi phí khác****Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này**

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------|----------------------|------------------|
| Tiền ăn ca, tiền điện | 2.619.543.394 | |
| Chi phí khác | 56.202.686 | |
| Cộng | 2.675.746.080 | |

9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này**

| | Năm nay | Năm trước |
|---|----------------------|----------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 35.018.048.679 | 59.422.551.457 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán | 2.101.082.921 | 4.162.080.005 |
| <i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i> | <i>2.101.082.921</i> | <i>4.162.080.005</i> |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 32.916.965.758 | 55.260.471.452 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ | 50.008.002 | 42.208.859 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 658 | 1.309 |

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-------------------|-------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 50.008.002 | 42.208.869 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại | | |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày | | |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ | | |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân | 50.008.002 | 42.208.869 |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các

1a Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá

1b Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn bao gồm:

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ | |
|--|--|------------------|
| Tập đoàn Hóa chất Việt Nam | Cổ đồng sáng lập | |
| Công ty Cổ phần Hóa chất Bảo Thắng | Công ty liên kết | |
| Công ty Cổ phần Hóa chất Phân bón Lào Cai | Công ty liên kết | |
| Công ty TNHH Văn Minh | Giám đốc Công ty TNHH Văn Minh là vợ của | |
| <i>Giao dịch với các bên liên quan khác</i> | | |
| Giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c. Các giao dịch phát | | |
| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | Năm trước |
| | Năm nay | Năm trước |

Tập đoàn hóa chất

Tiền cổ tức phải trả năm 2015 8.404.579.000

Công ty TNHH Văn Minh

Trả Văn Minh tiền mua hàng 11.843.963.764 1.734.278.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | | |
|--------------------------------|----------------|---------------|
| Nhập mua vật tư, đồ thí nghiệm | 22.115.867.606 | 8.647.024.270 |
| Thuế GTGT hàng hóa mua vào | 2.175.238.287 | 19.141.031 |

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

2 Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là

2a Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Lĩnh vực sản xuất bao gồm: sản xuất bột giặt, hóa chất ...
- Lĩnh vực 2: Lĩnh vực cung cấp dịch vụ bao gồm: cung cấp dịch vụ vận chuyển, cho thuê kho
- Lĩnh vực 3: Lĩnh vực thương mại bao gồm: bán hóa chất, bán fero ...

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn

| | Lĩnh vực sản xuất | Lĩnh vực thương mại | Lĩnh vực cung cấp dịch vụ | Các khoản loại trừ | Cộng |
|--|------------------------|-----------------------|---------------------------|------------------------|------------------------|
| Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | | | | | |
| Năm nay | | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 749.462.052.700 | 55.782.618.855 | 17.020.081.189 | | 822.264.752.744 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | 3.196.933.320 | | 2.217.803.584 | (5.414.736.904) | |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp | 752.658.986.020 | 55.782.618.855 | 19.237.884.773 | (5.414.736.904) | 822.264.752.744 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 62.764.869.928 | 4.418.153.183 | 7.211.061.792 | | 74.394.084.903 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | | (46.166.750.089) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | | 28.227.334.814 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | | 7.315.419.810 |
| Chi phí tài chính | | | | | (2.573.810.558) |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | | | | | 14.403.107.794 |
| Thu nhập khác | | | | | 2.810.901.713 |
| Chi phí khác | | | | | (2.675.746.080) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | | (1.970.483.478) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | | (44.718.984) |

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | | | | | |
|---|------------------------|-----------------------|-----------------------|--------------------------|------------------------|
| <i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i> | | | | | 45.492.005.031 |
| <i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i> | 8.932.132.860 | | 1.234.550.911 | | 10.166.683.771 |
| <i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i> | 13.950.468.768 | | 4.215.332.767 | | 18.165.801.535 |
| Năm trước | | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 560.206.753.982 | 18.312.974.747 | 19.975.437.185 | | 598.495.165.914 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | 117.173.779.699 | 2.375.774.977 | 6.920.740.354 | (126.470.295.030) | |
| <i>Tổng doanh thu thuần về</i> | <i>677.380.533.681</i> | <i>20.688.749.724</i> | <i>26.896.177.539</i> | <i>(126.470.295.030)</i> | <i>598.495.165.914</i> |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 97.152.906.842 | (416.361.961) | 13.179.862.818 | | 109.916.407.699 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | | (36.234.845.936) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | | 73.681.561.763 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | | 7.780.027.840 |
| Chi phí tài chính | | | | | (2.485.936.948) |
| Phần lãi hoặc lỗ trong Thu nhập khác | | | | | 10.758.401.316 |
| Chi phí khác | | | | | |
| Chi phí thuế thu nhập | | | | | (5.118.227.185) |
| Chi phí thuế thu nhập | | | | | (42.428.627) |
| <i>Lợi nhuận sau thuế thu</i> | | | | | <i>84.573.398.159</i> |
| <i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i> | <i>74.499.325.818</i> | <i>117.793.087</i> | <i>9.068.426.057</i> | | <i>83.685.544.962</i> |
| <i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i> | <i>49.336.878.192</i> | <i>39.422.770</i> | <i>6.122.189.732</i> | | <i>55.498.490.693</i> |

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Lĩnh vực sản xuất | Lĩnh vực thương mại | Lĩnh vực cung cấp dịch vụ | Các khoản loại trừ | Cộng |
|--|-------------------|---------------------|---------------------------|--------------------|--------------------------|
| Số cuối kỳ | | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 1.196.312.905.356 | | | | 1.196.312.905.356 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | 37.570.196.298 | | 853.209.030 | | 38.423.405.328 |
| Tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | | 690.098.923.828 |
| Tổng tài sản | | | | | 1.924.835.234.512 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 167.947.241.644 | | | | 167.947.241.644 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | 237.658.494.446 | 17.688.971.931 | 5.397.160.345 | | 260.744.626.721 |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | | 88.274.455.403 |
| Tổng nợ phải trả | | | | | 516.966.323.768 |
| Số đầu năm | | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 1.314.817.713.028 | | | | 1.314.817.713.028 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | 11.651.034.213 | 401.905.519 | 491.776.777 | | 12.544.716.509 |
| Tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | | 677.350.088.755 |
| Tổng tài sản | | | | | 2.004.712.518.292 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 117.244.367.305 | | | | 117.244.367.305 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | 391.023.517.771 | 12.782.430.336 | 13.942.826.754 | | 417.748.774.861 |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | | 105.758.580.840 |
| Tổng nợ phải trả | | | | | 640.751.723.006 |

2b Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực ngoài nước

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của

3 Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị

3a Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng, cho

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng được

Các khoản cho vay

Tập đoàn cho các công ty con và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

| | <u>Chưa qua hạn</u> <u>hay chưa bị</u> | <u>Chưa qua hạn</u> <u>nhưng bị giảm</u> | <u>Đã qua hạn</u> <u>nhưng không</u> | <u>Đã qua hạn</u> <u>và/hoặc bị giảm giá</u> | <u>Cộng</u> |
|-------------------------|---|---|---|---|------------------------|
| Số cuối kỳ | | | | | |
| dương tiền | 78.837.628.348 | | | | 78.837.628.348 |
| Các khoản cho vay | 296.505.960.187 | | | | 296.505.960.187 |
| Phải thu khách hàng | 151.336.186.928 | | | 744.304.456 | 152.080.491.384 |
| Các khoản phải thu khác | 968.065.531 | | | | 968.065.531 |
| Cộng | 527.647.840.994 | | | 744.304.456 | 528.392.145.450 |
| | <u>Chưa qua hạn</u> | <u>Chưa qua hạn</u> | <u>Đã qua hạn</u> | <u>Đã qua hạn</u> | <u>Cộng</u> |
| | <u>hay chưa bị</u> | <u>nhưng bị giảm</u> | <u>nhưng không</u> | <u>và/hoặc bị giảm giá</u> | |
| Số đầu năm | | | | | |
| dương tiền | 10.914.548.041 | | | | 10.914.548.041 |
| Phải thu khách hàng | 130.819.109.694 | | | 744.304.456 | 131.563.414.150 |
| Các khoản cho vay | 368.035.677.625 | | | | 368.035.677.625 |
| Các khoản phải thu khác | 1.321.916.682 | | | | 1.321.916.682 |
| Cộng | 511.091.252.042 | | | 744.304.456 | 511.835.556.498 |

3b Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời

| | <u>Từ 1 năm trở</u> | <u>Trên 1 năm</u> | <u>Trên 5 năm</u> | <u>Cộng</u> |
|-------------------------|------------------------|-------------------|-------------------|------------------------|
| Số cuối kỳ | | | | |
| Vay và nợ | 296.981.061.905 | | | 296.981.061.905 |
| Phải trả người bán | 160.645.913.072 | | | 160.645.913.072 |
| Các khoản phải trả khác | 2.369.063.325 | | | 2.369.063.325 |
| Cộng | 459.996.038.302 | | | 459.996.038.302 |
| | <u>Từ 1 năm trở</u> | <u>Trên 1 năm</u> | <u>Trên 5 năm</u> | <u>Cộng</u> |
| Số đầu năm | | | | |
| Vay và nợ | 332.673.654.018 | | | 332.673.654.018 |
| Phải trả người bán | 116.999.723.630 | | | 116.999.723.630 |
| Chi phí phải trả | 9.517.877.006 | | | 9.517.877.006 |
| Các khoản phải trả khác | 2.241.257.299 | | | 2.241.257.299 |
| Cộng | 461.432.511.953 | | | 461.432.511.953 |

Ban Giám đốc Công ty mẹ cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh

3c Rủi ro thị trường

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến đổi
Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến đổi
Tập đoàn nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch
Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản
Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và USD đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu

3d Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

| | Giá trị ghi sổ | | Giá trị hợp lý | |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 78.837.628.348 | 10.914.548.041 | 78.837.628.348 | 10.914.548.041 |
| Phải thu khách hàng | 152.080.491.384 | 131.563.414.150 | 152.080.491.384 | 131.563.414.150 |
| Các khoản cho vay | 296.505.960.187 | 368.035.677.625 | 296.505.960.187 | 368.035.677.625 |
| Phải thu khác | 968.065.531 | 1.321.916.682 | 968.065.531 | 1.321.916.682 |
| Cộng | 528.392.145.450 | 511.835.556.498 | 528.392.145.450 | 511.835.556.498 |

Nợ phải trả tài chính

| | Giá trị ghi sổ | | Giá trị hợp lý | |
|-------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Vay và nợ | 296.981.061.905 | 332.673.654.018 | 296.981.061.905 | 332.673.654.018 |
| Phải trả người bán | 160.645.913.072 | 116.999.723.630 | 160.645.913.072 | 116.999.723.630 |
| Chi phí phải trả | | 9.517.877.006 | | 9.517.877.006 |
| Các khoản phải trả khác | 2.369.063.325 | 2.241.257.299 | 2.369.063.325 | 2.241.257.299 |
| Cộng | 459.996.038.302 | 461.432.511.953 | 459.996.038.302 | 461.432.511.953 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

Lập ngày 20 tháng 4 năm 2017

Người lập biểu

Hoàng Thúy Hà

Kế toán trưởng

Đào Thị Mai

Tổng giám đốc



Đào Hữu Huyền